

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM ĐÀN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2021/DS-ST**

Ngày: 06 - 5 - 2021

V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lại.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thanh Hùng.

2. Bà Hoàng Thị Thúy Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Đặng Trường Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2020/TLST-DS, ngày 01 tháng 7 năm 2020; về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST- DS, ngày 25 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-DS, ngày 22/4/2021; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng VNTV.

Địa chỉ trụ sở chính: Số X LH, phường LH, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Đình T, sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm Y, xã NP, thành phố V, tỉnh Nghệ An; chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo văn bản ủy quyền ngày 24 tháng 02 năm 2019; có mặt.

2. Bị đơn:

- Ông Trần Thanh Đ, sinh năm 1963. Nơi ĐKKHKT: Khối YK nay là khối PBC, thị trấn NĐ, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam số 6, Cục C10, Bộ Công an. Vắng mặt.

- Bà Trần Thị H, sinh năm 1961; địa chỉ: Khối PBC, thị trấn NĐ, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 02 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là Ngân hàng VNTV trình bày:

Ngày 22/6/2017 Ngân hàng VNTV đã ký Hợp đồng tín dụng số LN 1706160081342 cho ông Trần Thanh Đ và bà Trần Thị H vay số tiền 520.000.000 đồng; lãi suất 8,9%/năm; mục đích vay: Vay tiêu dùng mua sắm nội thất, thiết bị gia đình; thời hạn vay là 120 tháng. Trong quá trình vay vốn, khách hàng đã trả lãi số tiền gốc là 114.692.802 đồng và tiền lãi là 105.900.055 đồng. Ngày 26/6/2017 ông Trần Thanh Đ có đăng ký vay tiêu dùng, mở và sử dụng tài khoản thanh toán số tiền 52.000.000 đồng; đã trả được 20.113.737 đồng tiền gốc và 16.217.304 đồng tiền lãi. Ngày 06/11/2017 ông Trần Thanh Đ đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng để vay số tiền 22.000.000 đồng nhưng sử dụng số tiền 20.766.600 đồng. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của ông Trần Thanh Đ và bà Trần Thị H tại thửa đất số 194, tờ bản đồ số 11; địa chỉ: khối YK nay là khối PBC, thị trấn NĐ, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 322839 của UBND huyện Nam Đàn cấp ngày 20/4/2015 mang tên ông Trần Thanh Đ và bà Trần Thị H. Ngày 21/12/2018 ông Trần Thanh Đ vi phạm pháp luật, bị điều tra, truy tố, xét xử và hiện đang chấp hành án tù chung thân nên không trả nợ. Vì vậy nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Thanh Đ và bà Trần Thị H phải trả nợ cho Ngân hàng VNTV số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 06/5/2021 với tổng số tiền là 650.508.315 đồng, trong đó: Nợ gốc: 457.960.061 đồng; nợ lãi: 192.548.254 đồng (lãi trong hạn là 4.634.515 đồng; lãi quá hạn là 187.913.739 đồng). Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày ông Trần Thanh Đ và bà Trần Thị H thực tế thanh toán hết nợ cho nguyên đơn. Trường hợp ông Trần Thanh Đ và bà Trần Thị H không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho. Yêu cầu bị đơn phải chịu chi phí tố tụng và phải hoàn trả lại số tiền 3.000.000 đồng chi phí thẩm định tại chỗ mà nguyên đơn đã nộp.

Tại Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai ngày 17/11/2020 bị đơn ông Trần Thanh Đ thừa nhận năm 2017 đã 03 lần ký hợp đồng với Ngân hàng VNTV vay tổng số tiền là 594.000.000 đồng nhằm mục đích tiêu dùng, mua sắm nội thất, thiết bị sinh hoạt trong gia đình. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của ông Trần Thanh Đ và bà Trần Thị H tại thửa đất số 194, tờ bản đồ số 11; địa chỉ: Khối YK nay là khối PBC, thị trấn NĐ,

huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Việc ký các hợp đồng vay và hợp đồng thế chấp là hoàn toàn tự nguyện. Ngày 21/12/2018 ông Trần Thanh Đ vi phạm pháp luật, bị điều tra, truy tố, xét xử và hiện đang chấp hành án tù chung thân nên từ năm 2019 đến nay không trả nợ. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Trần Thanh Đ xin trả nợ dần để giữ nhà, đất cho vợ con sinh sống.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/11/2020, lời khai trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị H thống nhất về việc ký các hợp đồng, tổng số tiền vay, mục đích vay, số tiền đã thanh toán và tài sản thế chấp như nguyên đơn và ông Trần Thanh Đ trình bày. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H chấp nhận trả nợ nhưng do hoàn cảnh khó khăn, ông Trần Thanh Đ đang đi chấp hành án tù chung thân, gia đình không có chỗ ở nào khác nên xin trả dần hàng tháng cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ để giữ lại nhà, đất làm chỗ sinh sống.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp; trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thu thập chứng cứ, thủ tục tố tụng đạt đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng trình tự theo quy định từ Điều 239 đến Điều 260 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của Thư ký phiên tòa được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 117, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 429 Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; các Điều 147, 155, 156, 157 và Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1, khoản 3 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Trần Thanh Đ và bà Trần Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng VNTV tổng số tiền là 650.508.315 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu năm trăm linh tám nghìn ba trăm mười lăm đồng). Trong đó: Nợ gốc: 457.960.061 đồng (Bốn trăm năm mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi nghìn không trăm sáu mươi một đồng); nợ lãi trong hạn là 4.634.515 đồng (Bốn triệu sáu trăm ba mươi tư nghìn năm trăm mười lăm đồng); lãi quá hạn là 187.913.739 đồng (Một trăm tám mươi bảy triệu chín trăm mười ba

ngàn bảy trăm ba mươi chín đồng). Ông Trần Thanh Đ và bà Trần Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong trường hợp ông Trần Thanh Đ và bà Trần Thị H không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền còn nợ trên thì Ngân hàng VNTV có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ, bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của ông Trần Thanh Đ và bà Trần Thị H tại thửa đất số 194, tờ bản đồ số 11; địa chỉ: khối YK nay là khối PBC, thị trấn NĐ, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 322839 của UBND huyện Nam Đàn cấp ngày 20/4/2015 mang tên ông Trần Thanh Đ và bà Trần Thị H theo Hợp đồng thế chấp số LN 1706160081342, ngày 22/6/2017. Về án phí và chi phí tố tụng: Ông Trần Thanh Đ và bà Trần Thị H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà Trần Thị H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn phần án phí phải nộp cho bà Trần Thị H. Ông Trần Thanh Đ và bà Trần Thị H hoàn trả lại cho Ngân hàng VNTV số tiền chi phí thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Ngân hàng VNTV là tổ chức có đăng ký kinh doanh khởi kiện yêu cầu ông Trần Thanh Đ và bà Trần Thị H có địa chỉ tại thị trấn NĐ, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An là cá nhân không có đăng ký kinh doanh và mục đích vay tiêu dùng mua sắm nội thất, thiết bị gia đình, trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng và các văn kiện tín dụng đã ký nên đây là tranh chấp hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Ông Trần Thanh Đ hiện đang chấp hành án tại Trại giam số 6, Cục C10, Bộ Công an là bị đơn trong vụ án không có yêu cầu phản tố và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về áp dụng pháp luật nội dung:

[1]. Về tính hợp pháp của các văn kiện tín dụng:

Nguyên đơn cung cấp các văn kiện tín dụng gồm: 01 hợp đồng tín dụng số LN 1706160081342, ngày 22/6/2017 được ký kết giữa Ngân hàng VNTV với ông Trần Thanh Đ và bà Trần Thị H; 01 Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 26/6/2017 và Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 06/11/2017. Ông Trần Thanh Đ và bà Trần Thị H thừa nhận đã tự nguyện ký các văn kiện tín dụng trên và không có ý kiến gì thêm. Xét hợp đồng tín dụng và các văn kiện tín dụng được ký kết trên cơ sở tự nguyện, có nội dung, hình thức phù hợp với các quy định của pháp luật, các bên đã thực hiện trên thực tế nên các văn kiện tín dụng đã ký kết đều hợp pháp.

[2]. Về căn cứ phát sinh tranh chấp: Hợp đồng tín dụng và thẻ ghi nợ, thẻ tín dụng đã ký là hợp pháp nên ông Trần Thanh Đ và bà Trần Thị H phải chịu trách nhiệm thanh toán nợ gốc, lãi phát sinh và các nội dung khác đã được ký kết. Quá trình thực hiện ông Trần Thanh Đ và bà Trần Thị H đã thực hiện đúng cam kết nhưng đến ngày 21/12/2018 ông Trần Thanh Đ vi phạm pháp luật, bị điều tra, truy tố, xét xử và hiện đang chấp hành án tù chung thân. Kể từ ngày 15/6/2019 bị đơn không tiếp tục trả nợ là vi phạm hợp đồng. Vì vậy Ngân hàng VNTV khởi kiện để đảm bảo thu hồi nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng và các cam kết trong hợp đồng các bên đã ký kết.

[3]. Về yêu cầu thanh toán nợ gốc: Ông Trần Thanh Đ và bà Trần Thị H thừa nhận tổng số tiền gốc đã vay theo Ngân hàng VNTV yêu cầu là 592.766.600 đồng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền gốc đã thanh toán được là 134.806.539 đồng. Ông Trần Thanh Đ và bà Trần Thị H chấp nhận trả toàn bộ số nợ trên nhưng xin trả dần hàng tháng cho đến khi trả hết để giữ lại nhà, đất. Tuy nhiên do ông Trần Thanh Đ đã vi phạm pháp luật, bị điều tra, truy tố, xét xử và hiện đang chấp hành án tù chung thân và vi phạm nghĩa vụ trả nợ của nhiều kỳ trả nợ gốc và lãi theo điểm a, d khoản 1 Điều 6 của Hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng không chấp nhận cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Vì vậy, buộc ông Trần Thanh Đ và bà Trần Thị H có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng VNTV là 457.960.061 đồng (Bốn trăm năm mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi nghìn không trăm sáu mươi một đồng).

[4]. Về yêu cầu thanh toán tiền lãi suất: Ông Trần Thanh Đ và bà Trần Thị H thừa nhận đã tự nguyện ký kết các khoản vay và chấp nhận thanh toán lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn đã ký kết tại Khế ước nhận nợ và các văn kiện tín dụng. Theo bảng kê tính lãi của Ngân hàng, ông Trần Thanh Đ và bà Trần Thị H phải thanh toán số tiền lãi cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số LN 1706160081342 và Khế ước nhận nợ ngày 22/6/2017 số tiền lãi suất còn nợ là: Lãi trong hạn: 4.076.935 đồng; lãi quá hạn: 146.354.998 đồng.

- Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử ký ngày 26/6/2017 số tiền lãi suất còn nợ là: Lãi trong hạn: 557.580 đồng; lãi quá hạn: 18.441.095 đồng.

- Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử ký ngày 06/11/2017 số tiền lãi quá hạn là 23.117.646 đồng.

Tổng số tiền lãi suất Trần Thanh Đ và bà Trần Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng VNTV tính đến ngày 06/5/2021 là 192.548.254 đồng.

[5]. Về yêu cầu tính lãi suất chậm trả: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi suất cho đến khi thi hành xong khoản nợ gốc theo các hợp đồng tín dụng đã ký. Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA, ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Vì vậy nguyên đơn yêu cầu các bị đơn phải chịu tiền lãi suất quá hạn cho đến khi thi hành xong khoản nợ gốc theo các văn kiện tín dụng đã ký là có căn cứ chấp nhận.

[6]. Về yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo: Tài sản đảm bảo cho các khoản vay gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của ông Trần Thanh Đ và bà Trần Thị H tại thửa đất số 194, tờ bản đồ số 11; địa chỉ: khối YK nay là khối PBC, thị trấn NĐ, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 322839 của UBND huyện Nam Đàn cấp ngày 20/4/2015 mang tên ông Trần Thanh Đ và bà Trần Thị H.

Xét Hợp đồng thế chấp được ký kết là sự tự nguyện của ông Trần Thanh Đ và bà Trần Thị H. Nội dung và hình thức của Hợp đồng thế chấp đảm bảo các quy định tại các Điều 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 Bộ luật Dân sự; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP, ngày 29/12/2006 của Chính phủ và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP, ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP, ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Tại Hợp đồng thế chấp tài sản quy định: Tài sản thế chấp theo Hợp đồng này đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ tương lai đối với tất các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ và các văn bản liên quan của các văn kiện tín dụng. Trường hợp bên thế chấp không thực

hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo các văn kiện tín dụng đã ký thì bên Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Như vậy, nguyên đơn yêu cầu trong trường hợp ông Trần Thanh Đ và bà Trần Thị H không thanh toán hoặc thanh toán không đủ nợ thì nguyên đơn yêu cầu xử lý tất cả các tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ là có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định trên Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7]. Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Số tiền án phí bị đơn phải chịu tương ứng với số tiền là 30.020.000 đồng. Bà Trần Thị H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm nên miễn một nửa phần án phí bà Trần Thị H phải chịu theo quy định tại điểm đ khoản 1, khoản 3 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Trần Thanh Đ phải chịu một nửa án phí theo quy định.

[8]. Về chi phí tố tụng: Ngân hàng VNTV đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng về xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện được Tòa án chấp nhận nên Ngân hàng VNTV yêu cầu ông Trần Thanh Đ và bà Trần Thị H hoàn trả lại số tiền trên là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 157, Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 117, 274, 275, 278, 280, 282, 293, 294, 295, 296, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 385, 398 và Điều 401 Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; các Điều 147, 155, 156, 157 và Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1, khoản 3 Điều 12, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA, ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng VNTV.

1. Buộc ông Trần Thanh Đ và bà Trần Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng VNTV tổng số tiền là 650.508.315 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu năm trăm linh tám nghìn ba trăm mười lăm đồng). Trong đó: Nợ gốc: 457.960.061 đồng (Bốn trăm năm mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi nghìn không trăm sáu

mười một đồng); nợ lãi trong hạn là 4.634.515 đồng (Bốn triệu sáu trăm ba mươi tư nghìn năm trăm mười lăm đồng); lãi quá hạn là 187.913.739 đồng (Một trăm tám mươi bảy triệu chín trăm mười ba nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Trần Thanh Đ và bà Trần Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ông Trần Thanh Đ và bà Trần Thị H thanh toán xong toàn bộ số nợ trên thì Ngân hàng VNTV trả lại Bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 322839 do UBND huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An cấp ngày 20/4/2015 mang tên ông Trần Thanh Đ và bà Trần Thị H.

2. Trong trường hợp ông Trần Thanh Đ và bà Trần Thị H không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền còn nợ trên thì Ngân hàng VNTV có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ, bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của ông Trần Thanh Đ và bà Trần Thị H tại thửa đất số 194, tờ bản đồ số 11; địa chỉ: Khối YK nay là khối PBC, thị trấn NĐ, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 322839 của UBND huyện Nam Đàn cấp ngày 20/4/2015 mang tên ông Trần Thanh Đ và bà Trần Thị H theo Hợp đồng thế chấp số LN 1706160081342, ngày 22/6/2017 giữa ông Trần Thanh Đ và bà Trần Thị H với Ngân hàng VNTV.

3. Về án phí: Ông Trần Thanh Đ và bà Trần Thị H phải chịu 30.020.000 đồng (Ba mươi triệu không trăm hai mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Miễn cho bà Trần Thị H một nửa án phí số tiền án phí phải chịu là 15.010.000 đồng (Mười lăm triệu không trăm mười nghìn đồng). Buộc ông Trần Thanh Đ phải chịu 15.010.000 đồng (Mười lăm triệu không trăm mười nghìn đồng) tiền án phí dân sự thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng VNTV số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.940.000 đồng (Mười hai triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0003351, ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Trần Thanh Đ và bà Trần Thị H có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng VNTV số tiền chi phí thẩm định là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Đàn;
- Các đương sự
- Lưu HSVA; VPTA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lại